

Bản án số: 18/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 06 -7-2020.

*“V/v Ly hôn”*

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM GIÀNG - HẢI DƯƠNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Đoàn Thị Thúy

Các Hội thẩm nhân dân: bà Lê Thị Thao và bà Trần Thị Khanh.

**- Thư ký phiên tòa:** ông Trần Mạnh Hà - Thư ký Toà án nhân dân huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Giàng tham gia phiên tòa:** bà Tống Thị Ngọc Ánh - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 7 năm 2020, tại Trụ sở, Toà án nhân dân huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương mở phiên tòa xét xử công khai vụ án dân sự thụ lý số 124/2020/TLST-HNGĐ ngày 27-5-2020 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 6 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* ông **Lê Huy T**, sinh năm 1964.

Địa chỉ: thôn CM, xã TT, huyện CG, tỉnh HD.

- *Bị đơn:* bà **Nguyễn Thị M**, sinh năm 1967.

ĐKKH: thôn KĐ, xã CH, huyện CG, tỉnh HD.

Hiện cư trú: số nhà 37A ngõ 116A đường TQT, khu 3 phường HH, thành phố MC, tỉnh QN.

- *Người làm chứng:* bà Lê Thị M1, sinh năm 1942;

Cư trú: thôn CM, xã TT, huyện CG, tỉnh HD.

*Tại phiên tòa ông T có mặt; bà M có đơn xin xét xử vắng mặt; bà M1 vắng mặt.*

**NHẬN THẤY**

*Tại đơn khởi kiện ly hôn, bản tự khai và biên bản ghi lời khai, nguyên đơn ông Lê Huy T trình bày:* ông và bà Nguyễn Thị M tự nguyện đăng ký kết hôn vào năm 1988 tại UBND xã Tân Trường, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương. Sau khi cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2010 thì xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng không còn tin tưởng vào tình cảm của nhau, thường xuyên xảy ra cãi nhau to tiếng, vì các con cả hai đều cố gắng duy trì hôn nhân nhưng thực tế không còn thương yêu nhau. Đến năm 2016 mâu thuẫn càng tăng, hai bên gia đình đã khuyên giải nhưng không có kết quả nên vợ chồng thống nhất sống ly thân mỗi người một nơi. Từ khi sống ly thân cho đến nay vợ chồng

không quan tâm đến nhau, cả 2 không muốn quay về đoàn tụ, ông đề nghị Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn bà M.

Về con chung: vợ chồng ông có 02 con chung là Lê Thùy D, sinh năm 1991 và Lê Như Y, sinh năm 1996. Hiện nay các con chung đã trưởng thành, ông không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: ông không yêu cầu giải quyết.

*Tại bản tự khai, bị đơn bà Nguyễn Thị M trình bày:* bà và ông T tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã Tân Trường, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương vào năm 1988. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, hay xảy ra cãi vã. Ông bà đã tìm nhiều biện pháp nhưng không thể hàn gắn được nên vợ chồng sống ly thân từ năm 2016, nay ông T xin ly hôn, bà nhất trí và lựa chọn Tòa án nhân dân huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương giải quyết. Bà xin vắng mặt tại phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ.

Về con chung: vợ chồng bà có 02 con chung là Lê Thùy D, sinh năm 1991 và Lê Như Y, sinh năm 1996; các con đã trưởng thành bà cũng không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: bà cũng không yêu cầu giải quyết.

*Tại biên bản lấy lời khai ngày 17-6-2020 bà Lê Thị M (mẹ đẻ ông T) trình bày:* cuộc sống hôn nhân giữa ông T và bà M có nhiều bất đồng, vợ chồng không tin tưởng nhau do ghen tuông, gia đình đã khuyên nhiều nhưng không có kết quả; nay ông T xin ly hôn, đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật.

*Xác minh tại địa phương, UBND xã Tân Trường cung cấp:* ông Lê Huy T và bà Nguyễn Thị M có làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã Tân Trường vào năm 1988. Sống tại địa phương được một thời gian thì ông bà chuyển ra MC, QN sinh sống nên mọi mâu thuẫn của ông bà địa phương không nắm được; đến 2016 chỉ có 1 mình ông T về quê TT sinh sống cho đến nay, địa phương đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên toà, ông T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; bà M xin có đơn xin xét xử vắng mặt.

*Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm* Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo và chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của BLTTDS. Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 51, Điều 55 Luật hôn nhân gia đình; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị xử:

- Quan hệ hôn nhân: Công nhận ông Lê Huy T và bà Nguyễn Thị M thuận tình ly hôn;
- Con chung: không yêu cầu giải quyết.
- Tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu giải quyết.
- Án phí: ông T phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

#### **[1]. Về tố tụng:**

- Quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: ông Lê Huy T có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương giải quyết ly hôn bà Nguyễn Thị M, đây là tranh chấp phát sinh trong hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bà M hiện đang cư trú tại thành phố MC, tỉnh QN nhưng ông bà có đơn lựa chọn Tòa án nhân dân huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương (nơi cư trú của ông T) là Tòa án giải quyết tranh chấp về Hôn nhân và gia đình; theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cẩm Giàng.

Người tham gia tố tụng: bà M là bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt; căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

#### **[2]. Về nội dung vụ án:**

Về quan hệ hôn nhân: ông Lê Huy T và bà Nguyễn Thị M kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Tân Trường, huyện Cẩm Giàng vào năm 1988, là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống ông T, bà M sống hạnh phúc đến năm 2010 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn; nguyên nhân do bất đồng quan điểm, không tìm được tiếng nói chung, năm 2016 ông bà đã sống ly thân. Nay ông T, bà M đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể quay về chung sống cùng nhau, thống nhất ly hôn. Như vậy, mục đích hôn nhân của ông bà không đạt được, đời sống chung không còn tồn tại; việc ông T, bà M thống nhất ly hôn là hoàn toàn tự nguyện, không trái đạo đức xã hội, phù hợp với quy định tại Điều 51; Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình. Yêu cầu xin ly hôn của ông T là có căn cứ, Hội đồng xét xử ghi nhận.

Về con chung: ông T, bà M có 02 con chung đều đã trưởng thành và tự lập cuộc sống, ông bà không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không phải giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: ông bà đều không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không phải giải quyết.

Về án phí: ông T là nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

### **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ vào Điều 51; Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 1 Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/QH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn;

*Về quan hệ tình cảm:* xử công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Lê Huy T và bà Nguyễn Thị M.

*Về quan hệ con chung:* các con đã thành niên không phải giải quyết.

*Về tài sản chung, nợ chung:* không yêu cầu giải quyết.

*Án phí:* ông Lê Huy T phải chịu 300.000đ tiền án phí sơ thẩm ly hôn, được trừ vào 300.000đ tiền tạm ứng án phí mà ông đã nộp theo biên lai thu số AA/2018/0000080 ngày 27-5-2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương; ông T đã thực hiện xong nghĩa vụ về án phí.

*Quyền kháng cáo:* ông T có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bà M vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

#### ***Nơi nhận:***

- VKSND huyện Cẩm Giàng
- Chi cục THA dân sự huyện Cẩm Giàng
- Những người tham gia tố tụng;
- UBND xã Đức Chính, Cẩm Giàng.
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**(Đã ký)**

